TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2023
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.
Bà Đào Thị Giang.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 259/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Diệp A M, sinh năm: 2001.
- Bị đơn: Anh TSằn A C, sinh năm: 1998.
Cùng địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã C, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(chị M, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản làm việc có trong hồ sơ vụ án, chị Diệp A M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh TSằn A C tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/7/2020. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung; từ cuối năm 2022 đến nay, anh chị không còn chung sống với nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu TSằn Thùy C, sinh ngày:

21/9/2020 và cháu TSằn Phương T, sinh ngày: 01/8/2022. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22/5/2023, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh TSằn A C trình bày tại bản tự khai ngày 20/3/2023 như sau:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như lời trình bày của chị M là đúng. Vợ chồng chung phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi vã xung đột, nên không còn tình cảm. Hiện nay vợ chồng không sống chung với nhau từ cuối năm 2022 đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu TSằn Thùy C, sinh ngày 21/9/2020 và cháu TSằn Phương T, sinh ngày 01/8/2022. Trong trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu TSằn Thùy C, đồng ý giao cháu TSằn Phương T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị M là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị M được ly hôn với anh C. Về con chung: Giao 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị M phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Diệp A M nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh TSằn A C, sinh năm: 1998, địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã C, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* và vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị M nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị M và anh C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã C, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41/KH ngày 09/7/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị M kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh C. Anh C không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh C và chị M đều thừa nhận vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc, anh và chị đã không chung sống với nhau từ cuối năm 2022 đến nay. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập anh C để làm việc nhưng anh C vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh C không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị M và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có 02 con chung là cháu TSằn Thùy C, sinh ngày: 21/9/2020 và TSằn Phương T, sinh ngày: 01/8/2022. Trường hợp ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng; anh C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C, giao cháu T cho chị M nuôi dưỡng, tạm thời anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng.

Xét trình bày của các đương sự nhận thấy: Cháu Thùy C và cháu Phương T dưới 36 tháng tuổi nên theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời chị M có công việc ổn định và các cháu là con gái, đang ở với chị M nên tiếp tục giao các cháu cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Từ những căn cứ trên chấp nhận yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng của chị M; không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh C.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Chị M, anh C đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Diệp A M về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* với anh TSằn A C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Diệp A M được ly hôn với anh TSằn A C.

2. Về con chung: Giao cháu TSằn Thùy C, sinh ngày: 21/9/2020 và TSằn Phương T, sinh ngày: 01/8/2022 cho chị Diệp A M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời anh TSằn A C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh TSằn A C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Diệp A M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002590 ngày 18/3/2023 tại C cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Diệp A M đã nộp đủ án phí.

5. Chị Diệp A M, anh TSằn A C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã C.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương